

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ CÔNG THƯƠNG

Số: ~~607~~/SCT-TM

V/v báo cáo nhanh giá một số mặt hàng
thiết yếu ngày 22/02/2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 22 tháng 02 năm 2018

Kính gửi: Bộ Công Thương.

Căn cứ công văn số 1958/BCT-TTTN ngày 08/3/2011 của Bộ Công Thương về việc báo cáo hàng ngày về các mặt hàng thiết yếu;

Sở Công Thương Đồng Nai báo cáo nhanh giá cả ngày 22/02/2018 của một số mặt hàng thiết yếu trên địa bàn như sau:

I. Giá các mặt hàng lương thực, thực phẩm:

STT	Mặt hàng	ĐVT	Chợ Biên Hòa		Chợ Long Khánh		Chợ Long Thành		Chợ PhươngLâm	
			Ngày 22/02	Tăng, giảm so với ngày 21/02	Ngày 22/02	Tăng, giảm so với ngày 21/02	Ngày 22/02	Tăng, giảm so với ngày 21/02	Ngày 22/02	Tăng, giảm so với ngày 21/02
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Gạo nếp (loại 1)	1.000 đ/kg	30	0	18	0	19	0	18	0
2	Gạo tẻ (loại thường)	1.000 đ/kg	12	0	12	0	12	0	12	0
3	Gạo tẻ thơm	1.000 đ/kg	15	0	18	0	18	0	18	0
4	Thịt heo nạc	1.000 đ/kg	90	0	65	0	60	0	60	0
5	Thịt heo đùi	1.000 đ/kg	60	-10	65	0	60	0	55	0
6	Thịt heo ba rọi	1.000 đ/kg	75	-10	60	0	60	0	60	0
7	Thịt bò phôiê	1.000 đ/kg	300	-20	300	0	270	-10	300	0
8	Thịt bò bắp	1.000 đ/kg	250	-50	250	0	240	-10	250	0
9	Thịt gà công nghiệp (lông trắng)	1.000 đ/kg	50	0	55	0	50	0	55	0
10	Thịt gà tam hoàng (lông màu)	1.000 đ/kg	70	0	75	0	55	0	70	0
11	Đường trắng RE (Biên Hòa)	1.000 đ/kg	21	0	20	0	20	0	19	0
12	Cá lóc (loại 0,5kg/con)	1.000 đ/kg	70	0	60	0	60	0	60	0
13	Cá diêu hồng	1.000 đ/kg	65	0	60	0	55	0	50	0
14	Giò lụa	1.000 đ/kg	100	0	70	0	130	0	80	0
15	Lạp xưởng Vissan (loại 1)	1.000 đ/kg	160	0	220	0	200	0	-	-
16	Dầu ăn Tường An	1.000 đ/lít	33	0	31	0	35	0	33	0
17	Bột ngọt Ajinomoto (450g)	1.000 đ/kg	28	0	28	0	28	0	28	0
18	Mực (loại phổ biến)	1.000 đ/kg	130	0	165	0	150	0	250	0
19	Tôm (loại phổ biến)	1.000 đ/kg	180	0	150	0	220	0	200	0

20	Bắp cải	1.000 đ/kg	15	0	10	0	12	0	8	0
21	Khoai tây	1.000 đ/kg	30	0	18	0	25	+5	13	0
22	Cà rốt	1.000 đ/kg	25	0	18	0	20	0	13	0
23	Bí xanh	1.000 đ/kg	20	0	20	0	17	0	15	0
24	Đậu xanh (đã chà vỏ)	1.000 đ/kg	35	0	32	0	35	0	30	0
25	Trứng gà công nghiệp (loại 1)	1.000 đ/10trứng	25	0	20	0	20	0	24	0
26	Trứng vịt (loại 1)	1.000 đ/10trứng	30	0	32	0	28	0	30	0
27	Sữa ông Thọ	1.000 đ/hộp	21	0	20	0	21	0	21	0
28	Hạt dưa lớn	1.000 đ/kg	130	0	120	0	120	0	120	0
29	Mứt bí	1.000 đ/kg	70	0	-	-	60	0	60	0
30	Mứt dừa	1.000 đ/kg	150	0	-	-	120	0	100	0
31	Mứt hạt sen	1.000 đ/kg	120	0	-	-	120	0	100	0
32	Dưa hấu dài (trên, dưới 4kg/quả)	1.000 đ/kg	15	0	-	-	12	0	8	0
33	Dưa hấu tròn (trên, dưới 7kg/quả)	1.000 đ/kg	20	0	-	-	-	-	5	0
34	Bia 333	1.000 đ/thùng	230	0	-	0	230	0	230	0
35	Bia Tiger	1.000 đ/thùng	332	0	310	0	320	0	320	0
36	Bia Heineken	1.000 đ/thùng	380	0	380	0	375	-5	400	0
37	Nước ngọt Cocacola	1.000 đ/thùng	182	0	180	0	185	0	190	0
38	Bưởi đường	1.000 đ/chục 1.000 đ/kg*	900	0	-	-	2.000	0	50	0
39	Bưởi Năm roi	1.000 đ/chục	-	-	-	-	1.500	0	-	-
40	Hoa Huệ Đà Lạt	1.000 đ/chục	80	-20	100	0	180	0	100	0
41	Hoa Cúc	1.000 đ/chục	40	0	45	0	90	0	60	0

II. Giá một số mặt hàng khác

STT	Mặt hàng			ĐVT	Ngày 22/02	Tăng, giảm so với ngày 21/02
1	Xăng dầu Petrolimex	Xăng không chì RON A95		đ/lít	19.980	-400
		Xăng sinh học E5			18.340	-330
		Dầu DO 0,05S			15.710	-240
2	Gas Sài Gòn Petro (12kg/bình)			đ/bình	330.000	0
3	Muối iot (Tập đoàn muối Ninh Thuận)			ngàn đ/kg	5	-1
4	Heo hơi (> 80kg/con)	Giá heo hơi (giá heo chuẩn) (Công ty CP)		ngàn đ/kg	31,5	0
5	Thóc (lúa)			ngàn đ/kg	7	0
6	Phân bón	UREA Phú Mỹ	Thành phố Biên Hòa	ngàn đ/bao 50kg	440	0
			Thị xã Long Khánh		390	0

		NPK Việt Nhật	Thị xã Long Khánh		495	0
7	Xi măng, thép (Cửa hàng tại Thị xã Long Khánh)	Hà Tiên I - 50 kg		ngàn đ/bao 50kg	86	0
		Sao Mai			83	0
		Thép (phi 6 Vicasa)		ngàn đ/kg	13,7	0
8	Thuốc bảo vệ thực vật (Thị xã Long Khánh)	Thuốc trừ sâu (loại phổ biến) Sherpa		ngàn đ/lọ	30	0
		Thuốc trừ cỏ (loại phổ biến) Gramoxone		ngàn đ/lọ 1 Lít	95	0
9	Thuốc thú y	Vaccin kép		ngàn đ/lọ	35	0
		Vaccin rời			19	0
10	Thức ăn chăn nuôi (Cám loại 25kg /bao) của Công ty thức ăn gia súc Thanh Bình huyện Long Thành	Cám dành cho heo từ tập ăn đến 15kg.		ngàn đ/bao 25kg	385	0
		Cám dành cho heo từ 15 – 30 kg			220	0
		Cám dành cho heo từ 60 kg đến xuất chuồng			210	0

III. Giá thu mua một số mặt hàng nông sản

STT	Mặt hàng	Địa bàn	ĐVT	Ngày 22/02	Tăng, giảm so với ngày 21/02
1	Tiêu	Long Khánh	ngàn đ/kg	64	0
2	Cà phê	Long Khánh	ngàn đ/kg	37	0
3	Bắp	Long Khánh	ngàn đ/kg	8	0

Đánh giá chung:

Thị trường hàng hóa ngày 22/02/2018, một số mặt hàng biến động, cụ thể:

- Chợ Biên Hòa, giá thịt heo đùi giảm 10.000 đồng/kg (từ 70.000 xuống 60.000 đồng/kg), thịt heo ba rọi giảm 10.000 đồng/kg (từ 85.000 xuống 75.000 đồng/kg), thịt bò phi lê giảm 20.000 đồng/kg (từ 320.000 xuống 300.000 đồng/kg), thịt bò bắp giảm 50.000 đồng/kg (từ 300.000 xuống 250.000 đồng/kg), hoa Huệ Đà Lạt giảm 20.000 đồng/chục (từ 100.000 xuống 80.000 đồng/chục).

- Chợ Long Thành, giá thịt bò phi lê giảm 10.000 đồng/kg (từ 280.000 xuống 270.000 đồng/kg), thịt bò bắp giảm 10.000 đồng/kg (từ 250.000 xuống 240.000 đồng/kg), khoai tây tăng 5.000 đồng/kg (từ 20.000 xuống 25.000 đồng/kg), bia Heineken giảm 5.000 đồng/thùng (từ 380.000 xuống 375.000 đồng/thùng).

Giá xăng, dầu điều chỉnh giảm từ 15 giờ ngày 21/02/2018, cụ thể:

- Giá xăng Xăng sinh học E5 giảm 330 đồng/lít (từ 18.670 xuống 18.340 đồng/lít).

- Xăng không chì RON A95 giảm 400 đồng/lít (từ 20.380 xuống 19.980 đồng/lít)

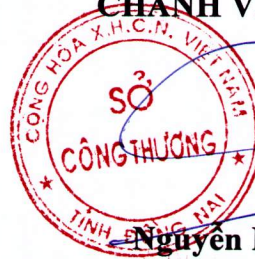
- Dầu DO 0,05S giảm 240 đồng/lít (từ 15.950 xuống 15.710 đồng/lít).

Trên đây là báo cáo nhanh giá cả một số mặt hàng ngày 22/02/2018 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Sở Công Thương Đồng Nai kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - UBND tỉnh;
 - Đài truyền hình Đồng Nai; } (thông tin)
 - Báo Đồng Nai;
 - Sở Tài Chính;
 - Sở Thông tin và Truyền thông;
 - Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai;
 - Lãnh đạo Sở Công Thương;
 - Lưu: VT, TM.
- <BaoGia/22/02/2018>

**TL. GIÁM ĐỐC
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Ngọc Diệu